Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 121/2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH
Về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

b) Các đối tượng được phép chơi và các đối tượng được phép ra, vào các Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến việc cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Trò chơi điện tử có thưởng" là các trò chơi may rủi được tổ chức trên máy trò chơi điện tử có thưởng mà người chơi bỏ tiền để tham gia và có thể trúng thưởng bằng tiền.

2. "Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài" là hoạt động kinh doanh có điều kiện được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi có thưởng trên máy trò chơi điện tử có thưởng.

3. "Máy trò chơi điện tử có thưởng" là thiết bị điện tử chuyên dụng được phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các trò chơi có thưởng được cài đặt sẵn trong máy. Quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi với máy.

4. "Máy giật xèng" là máy trò chơi điện tử có thưởng có từ 03 cuộn hình ảnh trở lên trên màn hình để xác định kết quả thắng cược hoặc trúng thưởng ngẫu nhiên dừng lại sau mỗi lần quay với tỷ lệ trả thưởng cố định được cài đặt sẵn trong máy.

5. "Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng" (sau đây gọi tắt là Điểm kinh doanh) là một căn phòng hoặc một số căn phòng được kết nối với nhau thành một khu vực riêng biệt trong cơ sở lưu trú du lịch thuộc địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

6. "Người chơi" là các cá nhân thuộc đối tượng được phép chơi các loại hình trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng quy định tại Điều 9 Nghị định này.

7. "Tỷ lệ trả thưởng" là tỷ lệ phần trăm trả thưởng bình quân cho người chơi của máy giật xèng trong một khoảng thời gian hoặc trên số vòng quay nhất định được nhà sản xuất thiết kế và cài đặt cố định trong máy giật xèng hoặc tỷ lệ số tiền người chơi có thể thu được so với số tiền đặt chơi khi chơi các trò chơi điện tử có thưởng khác được quy định tại Thể lệ trò chơi.

8. "Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh" là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng do Bộ Tài chính cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

9. "Đồng tiền quy ước" là đồng xèng, thẻ, phiếu, điểm số quy đổi và các hình thức thay thế tiền mặt khác được sử dụng thay thế tiền để phục vụ cho việc tổ chức loại hình trò chơi điện tử có thưởng và chỉ có giá trị sử dụng trong Điểm kinh doanh.

10. "Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh" là người được doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng giao quản lý, điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

11. "Thiết bị trò chơi" là các bộ phận của máy trò chơi điện tử có thưởng và các thiết bị khác được sử dụng để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo hoạt động tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải gắn với hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển về du lịch và phải đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

3. Việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải tuân thủ đầy đủ quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này.

2. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc bị tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Để các cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 Nghị định này vào Điểm kinh doanh với bất kỳ hình thức, lý do nào.

6. Cho phép, tổ chức cá cược trực tiếp giữa người chơi với người chơi dựa trên kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

7. Gian lận trong quá trình tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

8. Có các hành vi làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép địa điểm để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

10. Tổ chức, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng trái phép qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet.

11. Lợi dụng hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng để buôn lậu, vận chuyển ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, cho vay, cầm cố tài sản trái phép và rửa tiền.

12. Xác nhận số tiền trúng thưởng khống, xác nhận không đúng sự thật hoặc không đúng thẩm quyền hoặc gây khó khăn cho người chơi khi xác nhận mà không có lý do chính đáng.

13. Lợi dụng việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng để tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trái phép.

14. Kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng và các thiết bị trò chơi có nội dung, hình ảnh văn hóa chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

15. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Điều 5. Điểm kinh doanh

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) chỉ được phép tổ chức các trò chơi điện tử có thưởng tại một Điểm kinh doanh duy nhất được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Điểm kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được bố trí cách ly ra khỏi các khu vực tổ chức hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp và có cửa ra, vào riêng;

b) Có các thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động trong Điểm kinh doanh (24/24h). Các hình ảnh phải được lưu trữ đầy đủ trong thời hạn tối thiểu 180 ngày kể từ ngày ghi hình và đảm bảo hình ảnh rõ nét tại các vị trí sau: khu vực cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước;

c) Tuân thủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

d) Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh.

Điều 6. Khai trương hoạt động và thời gian hoạt động

1. Tối thiểu 15 ngày trước khi khai trương tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

2. Thời gian doanh nghiệp được phép tổ chức hoạt động kinh doanh là tất cả các ngày trong năm, trừ các ngày không được hoạt động theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người chơi biết về thời điểm ngừng kinh doanh ngay sau khi cơ quan quản lý nhà nước công bố quyết định yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

3. Doanh nghiệp được quyền tự tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo nhu cầu quản lý. Tối thiểu 15 ngày trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này để theo dõi, quản lý. Nội dung thông báo phải nêu rõ: thời điểm tạm ngừng kinh doanh, lý do tạm ngừng kinh doanh, thời gian dự kiến tiếp tục kinh doanh trở lại. Trong trường hợp có thay đổi về thời điểm tiếp tục kinh doanh trở lại, doanh nghiệp phải thông báo lại cho các cơ quan này bằng văn bản. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết tại Điểm kinh doanh tối thiểu 24 giờ trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh.

Điều 7. Số lượng, chủng loại máy và loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh căn cứ vào tổng số buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trú với tỷ lệ 05 buồng lưu trú thì doanh nghiệp được phép kinh doanh tối đa không quá 01 máy trò chơi điện tử có thưởng.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được kinh doanh các chủng loại máy, loại hình trò chơi trên máy trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao (sau đây gọi là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Cục Thuế địa phương về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh để theo dõi, quản lý.

4. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp được quyền thay đổi số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp có thay đổi về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

Điều 8. Thể lệ trò chơi

1. Tất cả các trò chơi điện tử có thưởng khi đưa vào kinh doanh, doanh nghiệp phải xây dựng Thể lệ trò chơi phù hợp với cách thức chơi, tỷ lệ trả thưởng, thiết kế riêng của từng loại máy và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi. Thể lệ trò chơi phải phù hợp với quy định pháp luật và thể hiện đầy đủ các nội dung cơ bản như sau:

a) Mô tả và giải thích từ ngữ của trò chơi điện tử có thưởng;

b) Hình ảnh và chỉ dẫn cách sử dụng các chức năng của máy;

c) Cách thức chơi; đồng tiền quy ước (nếu có);

d) Tỷ lệ trả thưởng;

đ) Cách xác định trúng thưởng;

e) Xử lý các vấn đề bất thường;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Doanh nghiệp phải niêm yết và phát hành tờ rơi công khai Thể lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Khi thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thể lệ trò chơi, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi nội dung của Thể lệ trò chơi, doanh nghiệp phải gửi lại bằng văn bản Thể lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương và văn bản nêu rõ điều khoản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và lý do sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời doanh nghiệp phải niêm yết công khai Thể lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại Điểm kinh doanh.

4. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước phát hiện Thể lệ trò chơi có những nội dung không rõ ràng, không hợp lệ hoặc không phù hợp với quy định pháp luật, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tài chính có công văn yêu cầu, hướng dẫn về sửa đổi Thể lệ trò chơi, doanh nghiệp phải thực hiện sửa đổi Thể lệ trò chơi cho phù hợp với quy định pháp luật và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi.

Điều 9. Đối tượng được phép chơi tại các Điểm kinh doanh

1. Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và còn thời hạn cư trú tại Việt Nam.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và tự nguyện chấp hành Thể lệ trò chơi và các quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người chơi

1. Người chơi có các quyền sau:

a) Được doanh nghiệp xác nhận và trả thưởng đầy đủ khi trúng thưởng;

b) Được nhận tiền trả thưởng và chuyển hoặc mang tiền trả thưởng bằng ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp giữ bí mật về thông tin trúng thưởng và nhận thưởng;

d) Được quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với doanh nghiệp về kết quả trả thưởng; tố cáo các hành vi gian lận, vi phạm quy định của Nghị định này và quy định pháp luật;

đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định trong Thể lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố.

2. Người chơi có các nghĩa vụ sau:

a) Phải mang theo các giấy tờ để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Có trách nhiệm tuân thủ Thể lệ trò chơi, nội quy, quy định quản lý nội bộ có liên quan của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Không được sử dụng kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh để cá cược trực tiếp với nhau;

d) Không được gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh

1. Các đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Người quản lý, người lao động của doanh nghiệp được phép ra, vào Điểm kinh doanh để làm việc theo sự phân công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải lập và công bố danh sách cập nhật người quản lý, người lao động của doanh nghiệp được phép ra, vào để làm việc tại Điểm kinh doanh.

3. Người lao động của tổ chức cung cấp dịch vụ có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp được phép ra, vào Điểm kinh doanh để làm việc theo sự phân công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải lập và công bố danh sách cập nhật người lao động của tổ chức cung cấp dịch vụ có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp được phép ra, vào để làm việc tại Điểm kinh doanh.

4. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thực thi việc kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp theo quy định của luật pháp.

5. Các cá nhân nêu tại khoản 2, 3 và 4 Điều này chỉ được vào Điểm kinh doanh để thực thi các nhiệm vụ liên quan theo phân công, nghiêm cấm vào Điểm kinh doanh để tham gia các trò chơi điện tử có thưởng dưới mọi hình thức.

6. Doanh nghiệp phải mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát tất cả các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh. Sổ theo dõi được lập theo hình thức ghi sổ hoặc thông tin điện tử. Sổ theo dõi phải được lưu trữ trong thời hạn tối thiểu 03 năm để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

a) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 9 Nghị định này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mã số thẻ điện tử (nếu có);

- Họ và tên;

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;

- Quốc tịch;

- Ảnh nhận diện (nếu được cấp thẻ điện tử);

- Thời gian ra, vào Điểm kinh doanh;

- Các thông tin khác có liên quan đến việc kiểm soát người chơi theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

b) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mã số thẻ điện tử (nếu có);

- Họ và tên, ảnh nhận diện (nếu được cấp thẻ điện tử);

- Vị trí, chức danh công việc được phân công tại Điểm kinh doanh;

- Thời gian làm việc tại Điểm kinh doanh;

- Các thông tin khác có liên quan đến việc kiểm soát đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Điều 12. Quản lý đồng tiền quy ước

1. Các đồng tiền quy ước của từng doanh nghiệp phải có dấu, ký hiệu riêng để nhận dạng. Mệnh giá của đồng tiền quy ước được phép ghi bằng đồng Việt Nam hoặc bằng một loại ngoại tệ chuyển đổi. Việc quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước bằng ngoại tệ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Doanh nghiệp không được phép sử dụng đồng tiền quy ước của các doanh nghiệp khác để kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải thực hiện quản lý chặt chẽ đồng tiền quy ước theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính để làm cơ sở cho việc xác định doanh thu của doanh nghiệp và phải thông báo bằng văn bản về mẫu mã, số lượng, chủng loại với Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp có thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, doanh nghiệp phải thực hiện thông báo lại bằng văn bản với Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý.

Điều 13. Quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước và thiết bị trò chơi

1. Các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phải phù hợp với số lượng, chủng loại và các loại hình trò chơi điện tử có thưởng mà doanh nghiệp được phép kinh doanh và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

2. Quy định về máy trò chơi điện tử có thưởng

a) Các máy trò chơi điện tử có thưởng mua, nhập khẩu để sử dụng trong Điểm kinh doanh phải là máy mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng công bố và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định;

b) Tỷ lệ trả thưởng cố định tối thiểu đối với các máy giật xèng là 90% (đã bao gồm giải thưởng tích lũy) và được cài đặt sẵn trong máy. Doanh nghiệp phải quy định cụ thể tỷ lệ trả thưởng tại Thể lệ trò chơi.

Trường hợp doanh nghiệp thay đổi tỷ lệ trả thưởng ngoài tỷ lệ trả thưởng đã được nhà sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng cài đặt sẵn trong máy thì phải đảm bảo tỷ lệ trả thưởng không thấp hơn tỷ lệ trả thưởng tối thiểu theo quy định. Đồng thời, doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại điểm a khoản này kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng và phải quy định cụ thể tỷ lệ trả thưởng tại Thể lệ trò chơi;

c) Doanh nghiệp khi mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc làm thủ tục kiểm định máy trò chơi điện tử có thưởng phải yêu cầu nhà sản xuất, cung cấp máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc tổ chức kiểm định độc lập cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản này. Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Trong quá trình sử dụng nếu máy trò chơi điện tử có thưởng bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa. Việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng chỉ được

thực hiện trong Điểm kinh doanh hoặc tại các tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng. Doanh nghiệp phải ký hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa với tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng và phải lưu trữ các tài liệu này để phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng liên quan đến các bộ phận làm thay đổi tỷ lệ trả thưởng thì doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại điểm a khoản này để kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng.

3. Doanh nghiệp phải mở sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng;

b) Tên nhà sản xuất;

c) Xuất xứ, ký mã hiệu (số series) của máy;

d) Năm sản xuất;

đ) Năm hết hạn sử dụng (nếu có);

e) Phần mềm cài đặt trong máy trò chơi điện tử có thưởng;

g) Ngày mua;

h) Ngày tái xuất hoặc tiêu hủy;

i) Giá trị máy;

k) Số giấy chứng nhận kiểm định và tên tổ chức kiểm định.

4. Doanh nghiệp phải lưu trữ máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi tại một căn phòng riêng biệt nằm trong Điểm kinh doanh trong các trường hợp sau:

a) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi chưa đưa vào kinh doanh hoặc tạm thời không sử dụng;

b) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này trong thời gian chưa tái xuất, tiêu hủy.

Điều 14. Mua, nhập khẩu, tái xuất và tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này được phép mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi. Việc mua, nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn, thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về nội dung, hình ảnh được cấp phép phổ biến và lưu hành theo quy định của pháp luật về văn hóa.

2. Doanh nghiệp chỉ được mua, nhập khẩu không vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được cấp phép và phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

3. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này được phép mua, nhập khẩu các thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước và các thiết bị trò chơi để thay thế khi cần thiết. Việc mua, quản lý và sử dụng các thiết bị dự phòng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Số lượng thiết bị dự phòng không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị của các máy trò chơi điện tử có thưởng và các thiết bị trò chơi được phép kinh doanh;

b) Thiết bị dự phòng phải là thiết bị mới 100%;

c) Việc sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế cho thiết bị cũ, hư hỏng phải đảm bảo nguyên tắc không làm tăng số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng được phép kinh doanh.

4. Trong thời hạn 30 ngày, doanh nghiệp phải thực hiện việc tái xuất hoặc tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể, bị Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi hết hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất hoặc bị hỏng, hư hại không thể sửa chữa hoặc khôi phục hoạt động bình thường;

c) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi không còn được sử dụng vào hoạt động kinh doanh do không phù hợp với nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.

5. Việc tiêu hủy máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi phải có sự chứng kiến, xác nhận bằng văn bản việc tham gia giám sát quá trình tiêu hủy của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ít nhất một đại diện của Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế địa phương. Việc tái xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ trong Điểm kinh doanh. Quy chế quản lý nội bộ phải có nội dung cơ bản sau đây:

a) Quy định về quản lý Điểm kinh doanh, bao gồm: Thời gian mở, đóng cửa; kiểm soát đối tượng ra, vào; biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Quy định về quản lý nhân viên làm việc tại Điểm kinh doanh, bao gồm: Đối tượng làm việc, quản lý tại Điểm kinh doanh; trách nhiệm, nghĩa vụ của từng bộ phận, vị trí công tác;

c) Quy định về quy chế tài chính, quy trình quản lý đồng tiền quy ước;

d) Quy định về quy trình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng, thiết bị trò chơi khác;

đ) Quy định về phương thức giải quyết mối quan hệ giữa người chơi với người chơi, giữa người chơi với doanh nghiệp và giữa người chơi với nhân viên của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ phương thức xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp trên cơ sở của các quy định pháp luật liên quan;

e) Các quy định khác phù hợp với pháp luật của Việt Nam để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

2. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải:

a) Thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ; quy định cụ thể bằng văn bản chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm soát nội bộ để đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ đúng Quy chế quản lý nội bộ, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật tại doanh nghiệp;

b) Gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh bản Quy chế quản lý nội bộ. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

Điều 16. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, quy định nội bộ về phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (sau đây gọi tắt là quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền) theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn.

2. Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp phải gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Sở Tài chính, Công an tỉnh và Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm phổ biến quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho các bộ phận, cán bộ, nhân viên có liên quan.

Điều 17. Quản lý về việc thanh toán và ngoại hối

1. Doanh nghiệp được chấp nhận sử dụng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản, thẻ tín dụng của người chơi để đổi đồng tiền quy ước khi tham gia các trò chơi điện tử có thưởng. Việc thu, chi ngoại tệ của doanh nghiệp được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

2. Doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và sử dụng số ngoại tệ tiền mặt, chuyển khoản này để trả thưởng cho người chơi khi trúng thưởng và các hoạt động ngoại hối khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có quyền:

a) Tổ chức kinh doanh các chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này;

b) Từ chối bất kỳ cá nhân không thuộc đối tượng được phép ra, vào, chơi tại Điểm kinh doanh;

c) Yêu cầu rời khỏi Điểm kinh doanh bất kỳ đối tượng nào vi phạm Thể lệ trò chơi, nội quy, Quy chế quản lý nội bộ mà doanh nghiệp đã công bố;

d) Yêu cầu tất cả người chơi xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh;

đ) Ký hợp đồng thuê quản lý. Việc thuê quản lý và trả phí thuê quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật và không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có thay đổi phải cập nhật lại các quy trình, quy chế hoạt động nội bộ theo đúng quy định của pháp luật;

b) Bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng quy định tại Nghị định này;

c) Tổ chức các loại hình trò chơi theo đúng Thể lệ trò chơi đã công bố với người chơi;

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho người chơi. Thực hiện xác nhận tiền trúng thưởng đúng số thực tế nếu người chơi yêu cầu;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của người chơi theo đúng Thể lệ trò chơi và quy định của pháp luật;

e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh;

g) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

i) Giữ bí mật về thông tin trúng thưởng theo yêu cầu của người chơi, ngoại trừ việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 19. Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh:

a) Có trình độ đào tạo tối thiểu từ đại học trở lên;

b) Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh có trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan và phải làm việc toàn bộ thời gian tại Điểm kinh doanh.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Trường hợp thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và gửi kèm tài liệu quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định này để chứng minh người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý;

b) Trường hợp phát hiện người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Bộ Tài chính có thông báo bằng văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản và gửi kèm tài liệu quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định này cho Bộ Tài chính để theo dõi, quản lý. Sau thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh cho đến khi bố trí được người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.

Chương III
ĐIỀU KIỆN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Điều 20. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp chỉ được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

a) Doanh nghiệp có cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng 5 sao do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn;

b) Có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này;

d) Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng và năm tài chính liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh có lãi;

đ) Có phương án kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đảm bảo duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Mỗi cơ sở lưu trú du lịch chỉ được xem xét, cấp một Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chỉ cấp cho doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm các tài liệu cơ bản sau:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng.

3. Bản sao quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.

4. Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh tại cơ sở lưu trú du lịch.

5. Sơ đồ bố trí Điểm kinh doanh, trong đó có thuyết minh các nội dung cơ bản sau: cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước; khu vực bố trí thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát và thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng. Báo cáo tài chính được kiểm toán là báo cáo chấp thuận toàn phần. Trường hợp ý kiến kiểm toán ngoại trừ thì yếu tố ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

7. Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

8. Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và Thể lệ trò chơi.

9. Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh và kế hoạch triển khai thực hiện.

10. Danh sách, lý lịch sơ lược trình độ và kinh nghiệm làm việc, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh.

Điều 22. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp đến Bộ Tài chính;

b) Thông qua đường bưu điện;

c) Thông qua cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 06 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định theo hình thức quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ 06 bộ hồ sơ chính thức, Bộ Tài chính xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi doanh nghiệp xin phép tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

c) Sau khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến; phối hợp Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra tại cơ sở lưu trú du lịch để xác định khu vực bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này; xác định số buồng lưu trú đã đưa vào kinh doanh làm căn cứ xác định số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa doanh nghiệp được phép kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

d) Sau khi được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Điều 23. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và có những nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp;

d) Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng;

đ) Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch;

e) Thời hạn hiệu lực;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định cụ thể thời hạn hiệu lực được phép kinh doanh (sau đây gọi tắt là thời hạn) trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có hiệu lực thi hành, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này.

Điều 24. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp bị mất, thất lạc, bị hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Doanh nghiệp sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này và có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục tổ chức lại, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

a) Hồ sơ đề nghị gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp.

3. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

a) Hồ sơ đề nghị gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp sau khi tổ chức lại đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Quy trình thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này;

c) Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cấp lại là số đã được cấp trước đây, trong đó ghi rõ lần cấp lại. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 25. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi bất kỳ nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này, doanh nghiệp phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

c) Hồ sơ, tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh cho doanh nghiệp (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định này) hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh cho doanh nghiệp (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều 23 Nghị định này), trong đó ghi rõ lần điều chỉnh.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 26. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn theo quy định tại Nghị định này, nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì tối thiểu 06 tháng trước khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn phải tiến hành xin gia hạn.

2. Điều kiện được gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu 06 tháng trước khi làm đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này;

c) Có vốn điều lệ tối thiểu là 500 tỷ đồng;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 02 lần trở lên theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi điện tử có thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các hồ sơ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 10 Điều 21 Nghị định này;

c) Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu:

- Tình hình kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong 03 năm gần nhất tới thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm: thông tin về Điểm kinh doanh; số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh; kết quả kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước);

- Dự kiến kế hoạch kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian tới, bao gồm: số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng; kết quả kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước); nhu cầu thu, chi ngoại tệ; giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh; thời gian đề nghị gia hạn; kế hoạch triển khai thực hiện;

- Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và cam kết của doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Quy trình, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 22 Nghị định này.

5. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gia hạn cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ số lần gia hạn.

6. Thời gian gia hạn trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được gia hạn.

Điều 27. Phí cấp phép

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí do Bộ Tài chính hướng dẫn.

Điều 28. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mà không tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, trừ các trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định này;

đ) Vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định này;

e) Doanh nghiệp sau tổ chức lại theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này;

g) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản thông báo doanh nghiệp vi phạm một trong các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này nhưng doanh nghiệp không khắc phục được.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực và bị thu hồi đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e và g khoản 1 Điều này.

4. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho Bộ Tài chính trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh có hiệu lực.

5. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp được Bộ Tài chính công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Điều 29. Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có nhu cầu thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác quy định tại Nghị định này làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (sau đây gọi tắt là Giấy phép). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (đối với doanh nghiệp được phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2013/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành) hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (đối với doanh nghiệp được phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng sau khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành);

d) Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ.

4. Thời hạn của Giấy phép tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Trường hợp doanh nghiệp không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy phép tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành.

Điều 30. Thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép

1. Cấp lại Giấy phép

a) Doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép trong các trường hợp sau:

- Giấy phép bị mất, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

- Doanh nghiệp sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép.

b) Hồ sơ cấp lại Giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cấp lại (đối với trường hợp doanh nghiệp sau khi tổ chức lại).

c) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này;

d) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này;

đ) Thời hạn của Giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp tại thời điểm gần nhất;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi được cấp lại Giấy phép (đối với trường hợp doanh nghiệp sau khi tổ chức lại), doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Điều chỉnh Giấy phép

a) Doanh nghiệp được điều chỉnh Giấy phép trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi tên doanh nghiệp;

- Thay đổi ngân hàng được phép nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ;

- Thay đổi mức tồn quỹ tiền mặt.

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Văn bản, giấy tờ chứng minh nội dung điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm a khoản này (nếu có).

c) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này;

d) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này;

đ) Thời hạn của Giấy phép được điều chỉnh là thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp tại thời điểm gần nhất;

e) Trường hợp thay đổi ngân hàng được phép nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi được điều chỉnh Giấy phép, doanh nghiệp phải mở tài khoản chuyên dùng mới và chuyển số dư ngoại tệ còn lại từ tài khoản chuyên dùng cũ sang tài khoản chuyên dùng mới hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, đồng thời làm thủ tục đóng tài khoản chuyên dùng cũ và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi được điều chỉnh Giấy phép, doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Gia hạn Giấy phép

a) Trong thời hạn tối thiểu 30 ngày, trước khi Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hết thời hạn, doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị gia hạn Giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Các giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 29 Nghị định này;

b) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này;

c) Thủ tục gia hạn Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này;

d) Thời hạn của Giấy phép theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được gia hạn Giấy phép, doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc Giấy phép đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 31. Thu hồi Giấy phép

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu hồi Giấy phép của doanh nghiệp trong những trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép.

2. Doanh nghiệp không triển khai hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác sau 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ các trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

3. Doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

5. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính về quản lý ngoại hối.

Điều 32. Chuyển đổi Giấy phép

1. Thời hạn chuyển tiếp

Đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này trước đây đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép thực hiện thu, chi ngoại tệ tiền mặt đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để chuyển đổi văn bản trước đây sang Giấy phép.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển đổi

a) Hồ sơ đề nghị chuyển đổi Giấy phép gồm:

- Đơn đề nghị chuyển đổi Giấy phép theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng) hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (đối với doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính chuyển đổi sang Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh);

- Quy chế quản lý, kiểm soát nội bộ đối với nguồn thu, chi ngoại tệ do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;

- Bản sao văn bản chấp thuận hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác đã được cấp;

- Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng kể từ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Thủ tục gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này;

c) Thủ tục cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được chuyển đổi Giấy phép, doanh nghiệp phải nộp lại bản gốc văn bản chấp thuận hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác đã được cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thời hạn của Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định này.

Chương V
THÔNG TIN, QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI

Điều 33. Công bố, cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào cửa và công bố công khai đầy đủ Thể lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố và cung cấp.

Điều 34. Quảng cáo

1. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này mới được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Nội dung quảng cáo bao gồm:

a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Tên trò chơi điện tử có thưởng;

c) Vị trí Điểm kinh doanh;

d) Đối tượng được phép chơi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Vị trí, hình thức quảng cáo

Doanh nghiệp chỉ được quảng cáo dưới hình thức bảng, biển hiệu đặt bên trong cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo người bên ngoài không nghe được, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, doanh nghiệp không được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dưới mọi hình thức và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

Điều 35. Giảm giá, khuyến mại

1. Doanh nghiệp được quyền thực hiện chính sách giảm giá đối với người chơi, mức giảm giá tối đa 2% trên tổng giá trị đồng tiền quy ước đã mua. Khi xác định giá tính thuế được tính theo nguyên tắc thực thu, đã trừ khoản giảm giá.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối tượng được giảm giá, định mức giảm giá và phương thức xác định giá tính thuế được giảm trừ đối với từng sắc thuế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngoài khoản giảm giá quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống, đi lại để khuyến mại cho người chơi thì các khoản khuyến mại này chỉ được hạch toán vào chi phí theo tỷ lệ quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng chi phí để làm căn cứ xác định mức chi phí khuyến mại tối đa là tổng chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, không bao gồm chi phí khuyến mại và chi phí trả thưởng. Ngoài ra, doanh nghiệp không được khuyến mại cho người chơi dưới mọi hình thức khác.

4. Doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động khuyến mại ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khuyến mại có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 36. Chế độ tài chính, thuế

1. Năm tài chính của doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu áp dụng năm tài chính theo công ty mẹ, năm tài chính phải là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan tài chính biết. Năm tài chính đầu tiên của doanh nghiệp mới được thành lập tính từ ngày được cấp phép đến ngày cuối cùng của năm tài chính đăng ký.

2. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đối với nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua các máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng và các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Các khoản ưu đãi về thuế, phí, lệ phí đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về thuế và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, phương thức thu thuế phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 37. Chế độ kế toán và báo cáo

1. Chế độ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán riêng các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Trường hợp các khoản doanh thu, chi phí gắn với các hoạt động kinh doanh khác, doanh nghiệp thực hiện việc phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo nghiệp vụ của các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 38. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm.

2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA

Điều 39. Quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, các bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện các công việc như sau:

1. Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm:

a) Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo đúng quy định tại Nghị định này;

c) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Nghị định này và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Bộ Công an

a) Quản lý về đối tượng được phép chơi tại các Điểm kinh doanh quy định tại Điều 9 Nghị định này và an ninh, trật tự đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan để đấu tranh phòng, chống tội phạm có liên quan đến rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống hoạt động đánh bạc trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

đ) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn quản lý về mặt nội dung, hình ảnh các máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định hiện hành để đảm bảo các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phù hợp với thuần phong, mỹ tục, thẩm mỹ của người Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông chủ động ngăn chặn và không được cung cấp trò chơi điện tử có thưởng qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet;

b) Phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan ngăn chặn việc cung cấp dịch vụ đánh bạc qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet từ nước ngoài vào Việt Nam.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, chuyển đổi và thu hồi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện quản lý hoạt động thu, sử dụng ngoại tệ của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

7. Bộ Công Thương

Thực hiện quản lý hoạt động khuyến mại của các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra để đảm bảo việc hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Nghị định này và theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan thuộc địa bàn quản lý triển khai công tác quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn đảm bảo được thực hiện thường xuyên, liên lục.

Điều 40. Kiểm tra, thanh tra

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh kiểm tra định kỳ 03 năm một lần. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

Riêng đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này, kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước;

- Về quản lý đối tượng được phép chơi, đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

- Việc chấp hành Quy chế quản lý nội bộ, kiểm soát nội bộ, quy chế tài chính và Thể lệ trò chơi;

- Việc quản lý ngoại hối và chấp hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

- Việc chấp hành quy định pháp luật về tài chính, kế toán, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Công an từ cấp huyện trở lên quyết định kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp và hành vi vi phạm khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Việc kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 41. Quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này được quyền:

1. Tiếp cận tất cả các căn phòng trong Điểm kinh doanh.

2. Yêu cầu doanh nghiệp, các cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, số liệu, thông tin để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

3. Yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong Điểm kinh doanh trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có đủ cơ sở cho rằng doanh nghiệp đang vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biết để cùng xem xét, phối hợp kiểm tra, thanh tra xử lý theo quy định.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trước ngày Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó quy định kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

- Hồ sơ chứng minh số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định số 86/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Các hồ sơ quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9 và 10 Điều 21 Nghị định này. Riêng đối với các doanh nghiệp không có cơ sở lưu trú du lịch không phải nộp hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều 21 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, trong đó:

- Số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp có sự khác biệt về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng cao nhất.

Riêng đối với doanh nghiệp chưa tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

- Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã được cấp. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

2. Đối với doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp 06 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phải bổ sung, hoàn thiện

hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

b) Trường hợp doanh nghiệp đã nộp 06 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo điều kiện và quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. Doanh nghiệp phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp đang kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng quy định của Nghị định số 86/2013/NĐ-CP nhưng không đáp ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được tiếp tục kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng đã mua cho đến khi thay thế máy mới. Trường hợp thay thế máy mới phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2022.

2. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phải nâng cấp hệ thống camera theo dõi, giám sát điểm kinh doanh đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

3. Nghị định này thay thế các văn bản sau:

a) Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

b) Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

4. Nghị định này bãi bỏ Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Lê Minh Khái

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHỦNG LOẠI MÁY, LOẠI HÌNH TRÒ CHƠI VÀ TỶ LỆ MÁY TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH

(Kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng	Tỷ lệ máy được phép kinh doanh/tổng số máy thực tế kinh doanh	Số lượng người chơi
1	Máy giật xèng (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)	≤ 100%	Được thiết kế để đáp ứng chỉ cho một (01) người chơi
2	Máy Roulette (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)	≤ 15%	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc nhưng tối đa không quá 32 người chơi
3	Máy Baccarat điện tử (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
4	Máy Blackjack điện tử (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
5	Máy Sicbo hay Tài Sỉu (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
6	Máy Đua ngựa và máy đánh mạt chược (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		
7	Máy chơi Poker (tự động hoàn toàn và không có sự tham gia của nhân viên doanh nghiệp)		

Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác
Mẫu số 05	Mẫu giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác
Mẫu số 07	Báo cáo tình hình đóng, mở tài khoản chuyên dùng
Mẫu số 08	Đơn đề nghị chuyển đổi giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác
Mẫu số 09	Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Chúng tôi [Tên của doanh nghiệp] làm đơn đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) như sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp

- Bằng tiếng Việt;

- Bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2. Loại hình doanh nghiệp.

3. Địa chỉ đặt trụ sở chính.

4. Ngành, nghề kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

5. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. Vốn điều lệ.

7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

8. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch theo Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch đang kinh doanh.

9. Điện thoại và email liên hệ.

II. Nội dung xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa đề xuất được phép kinh doanh.

2. Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng dự kiến kinh doanh.

3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

4. Đề xuất thời hạn hoạt động kinh doanh.

5. Dự kiến kế hoạch triển khai hoạt động kinh doanh.

6. Các đề nghị khác của doanh nghiệp (nếu có).

III. Cam kết

1. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chúng tôi cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và các quy định của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp
hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo: *Doanh nghiệp liệt kê cụ thể từng tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số ...../20...../NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).*

Mẫu số 02

BỘ TÀI CHÍNH



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Số:

Ngày:

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../GCN-TCĐTCT	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng của [Tên của doanh nghiệp] ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho:

1. Tên doanh nghiệp.

2. Địa chỉ.

3. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp.

Điều 2. [Tên của doanh nghiệp] được tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng với các nội dung sau:

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh.

2. Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh.

3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

Điều 3. Thời hạn hoạt động kinh doanh

[Tên của doanh nghiệp] được phép tổ chức hoạt động kinh doanh trong thời hạn [...] năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này có hiệu lực. Việc gia hạn thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện hoạt động kinh doanh

1. [Tên của doanh nghiệp] phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật trò chơi điện tử có thưởng tại Nghị định số …./20…/NĐ-CP ngày … tháng …. năm …. của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp [Tên của doanh nghiệp] không sở hữu [tên cơ sở lưu trú du lịch] được xếp hạng 5 sao do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này không có hiệu lực.

Điều 5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có hiệu lực từ ngày ký.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng này được lập thành bảy (07) bản chính: một (01) bản cấp cho [Tên của doanh nghiệp]; một (01) bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; một (01) bản gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh; bốn (04) bản lưu tại Bộ Tài chính.

Sao gửi:
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 20..... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Chúng tôi [Tên của doanh nghiệp] làm đơn đề nghị Bộ Tài chính cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) như sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp

- Bằng tiếng Việt;

- Bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2. Loại hình doanh nghiệp.

3. Địa chỉ đặt trụ sở chính.

4. Ngành, nghề kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

5. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. Vốn điều lệ.

7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

8. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch theo Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch đang kinh doanh.

9. Điện thoại và email liên hệ.

II. Nội dung về Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp

1. Tên doanh nghiệp.

2. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp.

3. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

5. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh và số lượng thực tế đang kinh doanh.

6. Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh và thực tế đang kinh doanh.

7. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

8. Thời hạn hoạt động kinh doanh.

III. Lý do đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

IV. Các nội dung đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa đề xuất được phép kinh doanh.

2. Chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng dự kiến kinh doanh.

3. Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch.

4. Thời hạn hoạt động kinh doanh còn lại/Đề xuất thời gian gia hạn hoạt động kinh doanh.

5. Các đề nghị khác của doanh nghiệp (nếu có).

V. Cam kết

1. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chúng tôi cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và các quy định của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo: *Doanh nghiệp liệt kê cụ thể từng tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Điều 24/Điều 25/Điều 26 Nghị định số ...../20...../NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).*

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Số điện thoại..... Fax: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép đăng ký đầu tư số... ngày...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số... ngày...tháng... năm... (nếu có)

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số... ngày... (nếu có)

II. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

a) Thu ngoại tệ tiền mặt từ việc bán đồng tiền quy ước;

b) Thu ngoại tệ tiền mặt từ máy trò chơi điện tử có thưởng có chức năng thu ngoại tệ tiền mặt trực tiếp của người chơi;

c) Thu chuyển khoản từ tài khoản ở nước ngoài hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam của người chơi;

d) Chi ngoại tệ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền trả thưởng cho người chơi trúng thưởng;

đ) Chi trả lại ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người chơi mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi không chơi hết đồng tiền quy ước;

e) Chi trả lại ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi sử dụng không hết số ngoại tệ đã chuyển từ nước ngoài vào tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của doanh nghiệp;

g) Các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật bao gồm: mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng ngoại tệ; tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt; xác nhận số tiền trúng thưởng của người chơi.

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ:

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../GP-NHNN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

GIẤY PHÉP

Thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

(Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng)

Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn lần thứ: ...ngày...tháng...năm (nếu có)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Xét đề nghị của ... (tên doanh nghiệp) ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác cho ... (tên doanh nghiệp) ... như sau:

1. Tên doanh nghiệp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Địa chỉ Điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Điều 2. Nội dung thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối

(Tên doanh nghiệp) ... được thực hiện các hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Thu ngoại tệ:

.....;

2. Chi ngoại tệ:

.....;

3. Các hoạt động ngoại hối khác bao gồm: .....

4. Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản chuyên dùng: .....

5. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ: .....

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. (Tên doanh nghiệp) ... chỉ được thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Điều 2 nêu trên.

2. (Tên doanh nghiệp) ... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng, trả thưởng, đổi đồng tiền quy ước cho người chơi làm cơ sở để ngân hàng được phép xác nhận việc mang, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nộp ngoại tệ vào tài khoản.

3. (Tên doanh nghiệp) ... phải thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo đúng quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu quý sau, (tên doanh nghiệp) ... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... về tình hình thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác trong quý.

Điều 4. Hiệu lực của Giấy phép

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày ... và thay thế Giấy phép số ... ngày ... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (nếu có).

2. Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác của ... (tên doanh nghiệp) ... được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho ... (tên doanh nghiệp) ...; 01 bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt Điểm kinh doanh; 04 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLNH3 (02).

THỐNG ĐỐC

Mẫu số 06

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:... ngày .....

Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số .... ngày ... (nếu có).

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày..... (nếu có)

Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác số .... ngày.....

(Tên doanh nghiệp)...đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

1. Nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác tại Giấy phép đã được cấp:

a)

b)

.....

2. Nội dung xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

3. Lý do xin cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép:.....

(Tên doanh nghiệp)... xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÓNG, MỞ TÀI KHOẢN CHUYÊN DÙNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Địa chỉ Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số .... ngày....

Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số ... ngày ... (nếu có).

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác số... ngày...

(Tên doanh nghiệp)... xin báo cáo tình hình đóng, mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ phục vụ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài như sau:

1. Tài khoản chuyên dùng cũ mở tại ngân hàng ... theo quy định tại Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác số...: Đã đóng.

2. Tài khoản chuyên dùng mới mở tại ngân hàng... theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh số...: Đã mở.

3. Số dư ngoại tệ từ tài khoản chuyên dùng cũ chuyển sang tài khoản chuyên dùng mới:

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 08

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

(Tên doanh nghiệp)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác theo các nội dung sau:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại, email liên hệ:..... Số Fax: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số...ngày...

5. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số...ngày...(nếu có).

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số...ngày...(nếu có).

7. Văn bản chấp thuận hoạt động thu chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác số .... ngày...

II. Các nội dung thu, chi ngoại tệ tiền mặt tại văn bản chấp thuận đã được cấp

1.

2.

.....

III. Nội dung xin cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác

1. Phạm vi thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác:

a) Thu ngoại tệ tiền mặt từ việc bán đồng tiền quy ước;

b) Thu ngoại tệ tiền mặt từ máy trò chơi điện tử có thưởng có chức năng thu ngoại tệ tiền mặt trực tiếp của người chơi;

c) Thu chuyển khoản từ tài khoản ở nước ngoài hoặc tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam của người chơi;

d) Chi ngoại tệ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền trả thưởng cho người chơi trúng thưởng;

đ) Chi trả lại ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người chơi mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi không chơi hết đồng tiền quy ước;

e) Chi trả lại ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản ở nước ngoài của người chơi trong trường hợp người chơi sử dụng không hết số ngoại tệ đã chuyển từ nước ngoài vào tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của doanh nghiệp;

g) Các hoạt động ngoại hối khác theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan bao gồm: mở và sử dụng tài khoản chuyên dùng ngoại tệ; tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt; xác nhận số tiền trúng thưởng của người chơi.

2. Ngân hàng mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ …

3. Ngoại tệ tiền mặt tồn quỹ:

(Tên doanh nghiệp)… xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp
hoặc người được ủy quyền
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP
———

Số:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGOẠI TỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI KHÁC
Từ năm…đến năm…

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

Tên doanh nghiệp: ……

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Số điện thoại: …… Số Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số… ngày…

Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số... ngày... (nếu có).

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng số…ngày… (nếu có).

Văn bản chấp thuận hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt và các hoạt động ngoại hối khác số... ngày...

1. Tình hình thực hiện hoạt động thu, chi ngoại tệ tiền mặt từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài từ năm…đến năm...(thời điểm đề nghị chuyển đổi) của (tên doanh nghiệp)… như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
A. Năm thứ nhất: I. Tồn quỹ tiền mặt đầu kỳ (Quý 1 của năm báo cáo) II. Tổng thu III. Tổng chi IV. Tồn quỹ cuối kỳ (Quý IV của năm báo cáo)	
B. Năm thứ hai I. Tồn quỹ tiền mặt đầu kỳ II. Tổng thu III. Tổng chi IV. Tồn quỹ cuối kỳ	
C. Năm thứ ba	
D. Năm thứ tư	
Đ. Năm thứ …	

2. Dự kiến kế hoạch thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong 03 năm tiếp theo:

Đơn vị: USD

Năm	**Dự kiến thu**		**Dự kiến chi**		**Số dư**	
Năm thứ nhất	Tiền mặt	Chuyển khoản	Tiền mặt	Chuyển khoản	Tiền mặt	Chuyển khoản
Năm thứ hai						
Năm thứ ba						

NGƯỜI LẬP BẢNG	**NGƯỜI KIỂM SOÁT**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*